

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2021/DS - ST

Ngày: 15 - 11 - 2021

“V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG -TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Chung.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Đàm Văn Kiều.

- Bà Dương Thị Vui.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm C Trình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa:
Bà Hồ Thị Hồng Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên toà xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLST - TCDS ngày 27 tháng 04 năm 2021 về tranh chấp kiện đòi nợ theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST – TCDS ngày 01 tháng 10 năm 2021 và quyết định hoãn phiên toà số 10/2021/QĐST – TCDS ngày 27/10/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1968 và bà Trần Thị O, sinh năm 1972; cùng địa chỉ: Xóm 5, thôn Quần Liêu, xã Nghĩa Sơn, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Duy C, sinh năm 1994 và chị Nguyễn Thu T, sinh năm 1992; cùng địa chỉ: Xóm x, xã S, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Xuân Ch, sinh năm 1990 và chị Trần Thị H, sinh năm 1992; cùng địa chỉ: Xóm x, xã S, huyện N, tỉnh Nam Định

Tại phiên tòa có mặt: Ông Th, bà O, chị T, anh Chung, chị Hạnh; vắng mặt: Anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị O cùng thống nhất trình bày:

Vợ chồng ông bà và chị T anh C có quan hệ gia đình, chị T là con gái ông bà còn anh C là con rể ông bà. Năm 2015 vợ chồng anh C chị T có nói với vợ chồng ông bà nhờ ông bà vay tiền mua đất và có xây nhà để làm ăn kinh doanh buôn bán vì vậy ông bà cũng nhất trí với các con vay tiền Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Nghĩa Hưng để mua đất cũng như xây nhà cho anh C, chị T. Số tiền mua đất là 660.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng), ông bà cho các cháu là 30.000.000 đồng còn 630.000.000 đồng, lãi suất ngân hàng là 10%/năm. Tiền lãi số tiền vay ngân hàng 630.000.000 đồng từ tháng 9.2015 đến tháng 12.2020 là 315.000.000 đồng. Sau đó anh C chị T lại nói với ông bà là muốn xây nhà nên vợ chồng ông bà đã đứng ra mua sắm vật liệu xây nhà và đồ dùng cho các con, tổng số tiền mua đất và vật liệu xây dựng + tiền khoán thợ và mua sắm đồ dùng hết tổng cộng là 2.110.000.000 đồng. (Hai tỷ một trăm mười triệu đồng). Ngoài ra còn tiền điều hòa, tiền lắp bóng điện và chống dột hết là 46.430.000 đồng. Tổng cộng số tiền anh C chị T còn nợ vợ chồng ông bà là 2.471.430.000 đồng. Nay ông bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Duy C và chị Nguyễn Thu T phải trả lại cho vợ chồng Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị O số tiền còn nợ là 2.471.430.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm bảy mươi một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Bị đơn chị Nguyễn Thu T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Duy C kết hôn vào năm 2013. Khoảng 2 tháng sau thì vợ chồng anh chị thuê nhà ra ở riêng. Đến tháng 9 năm 2015 vợ chồng anh chị có nói với bố mẹ đẻ chị là ông Th, bà O là nhờ bố mẹ đi vay tiền để mua đất và làm nhà để vợ chồng có chỗ ở ổn định và yên tâm buôn bán và nuôi con. Bố mẹ đẻ chị là ông Th, bà O đã mua một mảnh đất của ông Thật bà Lan ở xóm 2 Quận Liêu với giá là 660.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng), do vợ chồng chị kinh tế khó khăn nên bố mẹ chị đã cho chị số tiền là 30.000.000 đồng còn 630.000.000 đồng, số tiền này vợ chồng chị đã thống nhất với bố mẹ là trả lãi ngân hàng hàng tháng, từ tháng 9.2015 đến tháng 12.2020 số tiền lãi là 315.000.000 đồng. Ngoài ra còn tiền mua sắm vật liệu xây nhà và đồ dùng cho vợ chồng chị, tổng số tiền mua đất và vật liệu xây dựng + tiền khoán thợ và mua sắm đồ dùng hết tổng cộng là 2.110.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm mười triệu đồng). Ông Th bà O (bố mẹ chị) còn cho vay tiền điều hòa, tiền lắp bóng điện và chống dột hết là 46.430.000 đồng. Tổng cộng số tiền vợ chồng chị còn nợ vợ chồng Ông Th bà O là 2.471.430.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm bảy mươi một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Nay chị nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết vợ chồng chị sẽ trả vợ chồng ông Th bà O số tiền còn nợ nói trên.

Bị đơn anh Nguyễn Duy C không đơn trình bày quan điểm không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh C không có mặt để tham gia tố tụng.

Người làm chứng anh Nguyễn Xuân Ch trình bày:

Anh và ông Nguyễn Văn Th và Trần Thị O, anh Nguyễn Duy C, chị Nguyễn Thu T có quan hệ gia đình. Anh là con đẻ của ông Th bà O, là anh trai của T, anh rể của C. Giữa anh và ông Th bà O, anh C, chị T không có mâu thuẫn gì. Đối với vụ án kiện đòi nợ giữa ông Th, bà O và anh C chị T; anh được biết: ngày 22/12/2020 gia đình anh có tổ chức ăn cơm ở nhà ông bà Th Xóm 05 Quận Liêu, xã Nghĩa Sơn, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Sau khi ăn cơm xong anh C chị T có đề xuất chốt lại C nợ giữa vợ chồng anh C chị T với ông bà Th O. Hai bên có lập giấy biên nhận vay tiền, số tiền cụ thể như sau: số tiền mua đất mặt đường là 630.000.000 đồng tính với lãi suất ngân hàng; năm 2015 nợ làm nhà là 1.480.000.000 đồng; nợ tiền mái tôn là 33.700.000 đồng; đầu năm 2019 tiền điều hòa phòng khách là 10.000.000 đồng; đầu năm 2020 tiền thay bóng điện hồng là 2.730.000 đồng. Tổng nợ là 2.156.430.000 đồng (hai tỷ một trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Thời hạn đến ngày 30/01/2021 anh chị C T phải có trách nhiệm thanh toán cho ông bà Th O. Văn bản do bà O là người viết. Ông bà Th O và anh chị C T đã nhất trí ký kết. Anh và vợ là Trần Thị Hạnh cùng ký tên với vai trò là người làm chứng. Khi ký kết tất cả mọi người đều tỉnh táo và tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc.

Người làm chứng chị Trần Thị H trình bày:

Chị và ông Nguyễn Văn Th và Trần Thị O, anh Nguyễn Duy C, chị Nguyễn Thu T có quan hệ gia đình. Chị là con dâu của ông Th bà O, là chị dâu của vợ chồng C T, đồng thời là chị họ của C. Giữa chị và ông Th bà O, anh C, chị T không có mâu thuẫn gì. Đối với vụ án kiện đòi nợ giữa ông Th, bà O và anh C chị T; chị được biết: ngày 22/12/2020 gia đình anh có tổ chức ăn cơm ở nhà ông bà Th Xóm xx, xã S, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi ăn cơm xong anh C chị T có đề xuất chốt lại C nợ giữa vợ chồng anh C chị T với ông bà Th O. Hai bên có lập giấy biên nhận vay tiền, số tiền cụ thể như sau: số tiền mua đất mặt đường là 630.000.000 đồng tính với lãi suất ngân hàng; năm 2015 nợ làm nhà là 1.480.000.000 đồng; nợ tiền mái tôn là 33.700.000 đồng; đầu năm 2019 tiền điều hòa phòng khách là 10.000.000 đồng; đầu năm 2020 tiền thay bóng điện hồng là 2.730.000 đồng. Tổng nợ là 2.156.430.000 đồng (hai tỷ một trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Thời hạn đến ngày 30/01/2021 anh chị C T phải có trách nhiệm thanh toán cho ông bà Th O. Văn bản do bà O là người viết. Ông bà Th O và anh chị C T đã nhất trí ký kết. Chị cùng chồng là Nguyễn Xuân Ch cùng ký tên với vai trò là người làm chứng. Khi ký kết tất cả mọi người đều tỉnh táo và tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các Điều 357, 463; 466; 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị O. Buộc anh Nguyễn Duy C, chị Nguyễn Thu T phải thanh toán số tiền cho ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị O là 2.471.430.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm bảy mươi một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng); Về án dân sự sơ thẩm đề nghị tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Duy C và chị Nguyễn Thu T đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã S, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Ông Th và bà O có yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp kiện đòi nợ đối với anh C, chị T và Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa hôm nay anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 26 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Th, bà O và chị T đều có lời khai thống nhất việc vợ chồng anh Nguyễn Duy C và chị Nguyễn Thu T có nợ vợ chồng Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị O số tiền là 2.471.430.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm bảy mươi một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Số tiền này bao gồm:

+ Tiền mua đất là 660.000.000 đồng, ông Th bà O đã cho là 30.000.000 đồng còn 630.000.000 đồng, lãi suất ngân hàng là 10%/năm. Tiền lãi số tiền vay ngân hàng 630.000.000 đồng từ tháng 9.2015 đến tháng 12.2020 là 315.000.000 đồng.

+ Tiền mua vật liệu xây dựng + tiền khoán thợ và mua sắm đồ dùng hết tổng cộng là 1.480.000.000 đồng.

+ tiền mái tôn chống dột là 33.700.000 đồng;

+ tiền điều hòa phòng khách là 10.000.000 đồng;

+ tiền thay bóng điện hồng là 2.730.000 đồng

Tổng nợ là 2.156.430.000 đồng (chưa bao gồm lãi của khoản vay mua đất). Số tiền này đã được ông Th, bà O và anh C chị T thống nhất lập thành giấy biên nhận vay tiền vào ngày 22/12/2020 có sự chứng kiến của người làm chứng là anh Nguyễn Xuân Chung và chị Trần Thị Hạnh. Theo thỏa thuận thì anh C chị T phải có trách

nhiệm thanh toán cho ông Th, bà O thời hạn đến ngày 30/01/2021. Tuy nhiên quá thời hạn thỏa thuận anh C, chị T chưa trả số tiền này cho ông Th, bà O. Vì vậy ông Th bà O khởi kiện đòi anh C chị T phải trả số tiền trên cộng với số lãi từ tháng 9.2015 đến tháng 12.2020 là 315.000.000 đồng. Buộc anh C chị T phải trả cho ông bà số tiền tổng cộng là: 2.471.430.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm bảy mươi một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Bị đơn anh Nguyễn Duy C không đơn trình bày quan điểm không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh C không có mặt để tham gia tố tụng. Bị đơn chị Nguyễn Thu T nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là anh C, chị T phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Anh C, chị T phải nộp án phí là 81.428.600 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463, Điều 466 và 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị O, cụ thể : Buộc anh Nguyễn Duy C và chị Nguyễn Thu T phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị O số tiền là 2.471.430.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm bảy mươi một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Th, bà O có đơn yêu cầu thi hành án mà anh C, chị T chưa thi hành thì phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành

2. Về án phí: Anh Nguyễn Duy C, chị Nguyễn Thu T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 81.428.600 đồng (tám một triệu bốn trăm hai tám nghìn sáu trăm đồng).

Hoàn trả ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị O số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) theo biên lai số AA/2019/0004196 ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng.

Án xử C khai sơ thẩm có mặt ông Th, bà O, chị T, vắng mặt anh C. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nghĩa Hưng;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Hưng;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phạm Văn Chung